

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2020/DS-PT
Ngày: 21-12-2020
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản, hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khuru Đẻ Dành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thám
Bà Lâm Ngọc Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Nguyễn Ngọc Bình - Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ L số: 213/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 139/2020/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 223/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 225/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L (D), sinh năm 1979 (có mặt).

Cư trú: số 111, đường Hải Thượng Lãn Ông, ấp T, thị trấn P, huyện P, tỉnh A.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Công N, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1964 (có mặt).

Cùng cư trú: tổ 4, ấp Bình T Đông 1, xã Bình T Đông, huyện P, tỉnh A.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Lê Công H, sinh năm 1960 (vắng mặt).

- Chị Lê Thị Hoa L, sinh năm 1982 (có mặt).

- Anh Cao Văn T, sinh năm 1981 (có mặt).
- Chị Lê Thị Kim H, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Cùng cư trú: ấp Bình Đông 1, xã Bình Đông, huyện P, tỉnh A.

- Anh Phan Văn S, sinh năm 1982; cư trú: ấp Vĩnh Khánh 1, xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang (vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Ông Lê Công N là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 04 tháng 3 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L (D) trình bày: Do chỗ quen biết, vào ngày 29/5/2018 âm lịch vợ chồng ông Lê Công N và bà Nguyễn Thị C có vay của bà số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), lãi thỏa thuận 1%/tháng; sau khi vay ông N bà C có trả nhiều lần được 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng), còn lại 1.500.000.000 đồng; vợ chồng ông N bà C có làm biên nhận do ông N viết và ông N bà C ký tên. Nay yêu cầu ông N bà C trả cho bà số tiền vốn là 1.500.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và yêu cầu duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2019/QĐ-BPKCTT ngày 25/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, phong tỏa tài sản phần đất của ông N bà C.

Đối với chị Lê Thị Hoa L và anh Cao Văn T, trước đây bà có làm ăn qua lại tiền bạc với chị L, anh T; hiện nay giữa bà với anh T, chị L không còn liên quan nợ tiền gì với nhau nữa, do đó bà không có yêu cầu gì đối với chị L, anh T.

Bị đơn ông Lê Công N và bà Nguyễn Thị C trình bày: Vợ chồng ông, bà không có vay tiền gì của bà Liễu và cũng không có ký tên trong biên nhận ngày 29/5/2018 âm như bà Liễu trình bày. Ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với diện tích đất mà bà Liễu yêu cầu phong tỏa, trước đây vợ chồng ông và vợ chồng ông Lê Công H hùn mua định làm nền nhà ở nên giao cho ông Hậu quản L 1 phần ông quản L 1 phần; nay do không có nợ bà Liễu nên yêu cầu gỡ bỏ phong tỏa (hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2019/QĐ-BPKCTT ngày 25/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân).

Tuy nhiên, trong thời gian qua con ông bà là chị Lê Thị Hoa L có làm ăn mượn (vay) tiền của bà Liễu, gia đình đã giao 231 công đất (công tầm điền) cho bà Liễu để trừ nợ, trong đó chị L đứng tên ½ diện tích còn lại vợ chồng ông bà đứng tên ½ diện tích, nhưng do bên bà Liễu chưa tính nên hiện nay không biết còn nợ hay không.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 18-11-2019 (Bút lục 86) chị Lê Thị Kim H, anh Phan Văn S (do chị H đại diện theo ủy quyền) trình bày: Vào ngày 20/02/2019 chị H anh Sơn có mua diện tích 517m² (ngang 11m dài 47m) thuộc giấy chứng nhận QSD đất số CH01955 do UBND huyện Phú Tân cấp ngày 26/10/2015 diện tích 1.196m² thửa số 11, tờ bản đồ số 63 do Lê Công N và bà Nguyễn Thị C đứng tên. Việc mua bán đất này thực ra là giữa vợ chồng chị với ông Lê Công H (anh ruột Lê Công N), sở dĩ có việc mua bán này là vì thửa đất đã được vợ chồng ông N bán cho ông Hầu vào năm 2015. Do giấy đất đang thế chấp tại ngân hàng nên tại thời điểm đó ông Hầu chưa làm thủ tục sang tên, toàn bộ diện tích đất ông Hầu đang trực tiếp quản lý sử dụng.

Ngày 20/02/2019, với sự có mặt của 03 bên: vợ chồng chị (H, Sơn), vợ chồng (ông N bà C) và ông Hầu cùng nhau bàn bạc đi đến thống nhất nội dung: Vợ chồng ông N bà C xác nhận và thống nhất diện tích thửa đất 517m² (ngang 11m dài 47m) nằm trong phần diện tích 1.196m² mà ông N bà C đứng tên là thuộc quyền sử dụng của ông Hầu, họ chỉ đứng tên giùm. Ông Hầu thống nhất đồng ý bán thửa đất 517m² cho vợ chồng anh chị với giá 330.000.000 đồng. Sau đó, ngày 25/02/2019 vợ chồng chị và vợ chồng ông N bà C đến Văn phòng công chứng lập hợp đồng chuyển nhượng thì bị bà Nguyễn Thị L (D) yêu cầu Tòa án ngăn chặn.

Nay yêu cầu được sử dụng diện tích 517m² đã mua của ông Hầu. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 517m² giữa vợ chồng chị với vợ chồng ông N bà C.

2. Chị Lê Thị Hoa L và anh Cao Văn T trình bày: Toàn bộ các khoản tiền nợ bà L (D) do vợ chồng anh chị trực tiếp nhận, cha mẹ là ông N bà C không có nhận cũng không ký tên, toàn bộ nợ là 3.700.000.000 đồng bên gia đình anh chị giao 231 công đất (công tầm điền) cho bà Liễu để trừ nợ, trong đó chị L đứng tên ½ diện tích còn lại cha mẹ là ông N bà C đứng tên ½ diện tích, nhưng do bên bà L (D) chưa tính nên hiện nay không biết còn nợ hay không. Nay yêu cầu cha mẹ chị là ông N bà C không có nợ, nên không phải trả cho bà L (D), còn chị và chồng chị cũng không xác định được còn nợ hay không vì bà L (D) chưa tính toán gì hết.

3. Tại đơn yêu cầu được giữ lại đất ngày 20/11/2019 (BL 74) và Biên bản hòa giải 15/11/2019 (BL 103) ông Lê Công H trình bày: Vào tháng 02/2019 ông cùng em ông là Lê Công N có mua phần đất diện tích 1.196m² thửa số 11, tờ bản đồ số 63, giấy chứng nhận QSD đất số CH01955 cấp ngày 26/10/2015 do Lê Công N và bà Nguyễn Thị C đứng tên, ông đang trực tiếp sử dụng đã 10 năm nay. Phần của ông mua ngang 7m dài 47m, diện tích 329m², còn lại 867m² là của ông N mua. Do ông N thiếu nợ ông 1.100.000 đồng nên toàn bộ diện tích 867m² của ông N giao cho ông để trừ nợ. Cùng thời điểm này, ông N thiếu nợ ngân hàng nên ông đứng bán diện tích 517m² (ngang 11m dài 47m) trên phần đất của ông N cho Lê Thị Kim H vào ngày 20/02/2019 với số tiền là

330.000.000 đồng. Hiện nay diện tích còn lại ngang 867m² dài 47m ông đang canh tác. Nay yêu cầu Tòa án cho ông được giữ lại phần đất của ông N giao cho ông với diện tích là 867m².

Biên bản lấy lời khai ngày 26-9-2019 (Bút lục 72) ông Hầu trình bày “Diện tích đất nêu trên hiện tại ông N đã giao cho tôi để trừ nợ, nếu sau này xử L để thu hồi nợ tôi không đồng ý”

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Lê Công H trình bày: Khi Tòa án đưa ông vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vì ông N (là em ruột) trình bày có hùn mua diện tích đất với ông, nhưng ông không biết diện tích đất nào vị trí ở đâu, nhưng bên N có giao cho ông khoản 1 công, ông cũng không biết giấy đất ai đứng vì trước đó bên vợ chồng của ông N – C còn nợ vàng cổ đất của ông 90 chỉ vàng 24k không có tiền trả. Nay qua giải thích của Tòa án về liên quan trong phần đất bị chị Diễm phong tỏa vợ chồng ông hiểu và biết và cũng không làm đơn yêu cầu mà đề nghị thực hiện đúng như việc phong tỏa của Tòa án theo yêu cầu của chị Diễm, còn các phần khác khi tranh chấp ông gửi đơn yêu cầu ở vụ án khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 139/2020/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466 và Điều 500 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L (D) đối với ông Lê Công N và bà Nguyễn Thị C về “Hợp đồng vay tài sản”.

- Buộc ông Lê Công N và bà Nguyễn Thị C cùng trả số tiền vay cho bà Nguyễn Thị L (D) là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng),

- Duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2019/QĐ-BPKCTT, ngày 25/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đối với tài sản của ông Lê Công N và bà Nguyễn Thị C đến khi thi hành án xong cho bà Nguyễn Thị L (D).

- Hoàn trả tiền thực hiện biện pháp bảo đảm cho bà Nguyễn Thị L (D) số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) theo biên lai thu ngày 25/3/2019 của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông Việt Nam – Chi nhánh huyện Phú Tân khi bản án có hiệu lực.

- Đình chỉ yêu cầu độc lập của anh Phan Văn S và chị Lê Thị Kim H về “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” với ông Lê Công N và bà Nguyễn Thị C.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/7/2020, bị đơn ông Lê Công N nộp đơn kháng cáo, nội dung không chấp nhận bản án số 139/2020/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân buộc gia đình ông trả cho bà Nguyễn Thị L (D) 1.500.000.000 đồng.

Phát biểu tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Lê Công N và bà Nguyễn Thị C không thừa nhận nợ bà L (D) và không đồng ý trả cho bà Liễu 1.500.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị L (D) căn cứ biên nhận ngày 19 -5-2018 âm lịch yêu cầu ông N và bà C trả số nợ còn lại 1.500.000.000 đồng.

- Chị Lê Thị Hoa L và anh Cao Văn T, gia đình đã giao đất cho bà L (D) để trừ nợ, do bên bà Liễu chưa tính lại, hiện nay không biết còn nợ hay không nên không đồng ý trả thêm cho bà Liễu.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 139/2020/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện Phú Tân giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm (10-07-2020), ngày 24-7-2020 bị đơn ông Lê Công N nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn quy định tại Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được chấp nhận xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Ông Lê Công H, chị Lê Thị Kim H, anh Phan Văn S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không L do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông H, chị H và anh Sơn.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông N, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[3.1] Về thủ tục tố tụng:

- Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-DS ngày 12-6-2020 (Bút lục 112) Thẩm phán chủ tọa phiên tòa Bùi Văn Chiến (không có Thẩm phán dự khuyết) ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 03-7-2020; ngoài ra, không có quyết định nào khác phân công lại hay thay đổi Thẩm phán giải quyết vụ án, nhưng tại Thông báo số 12/TB-TA ngày 30-6-2020 (về việc thay đổi thời gian xét xử) (Bút lục 128) do Thẩm phán Lê Lâm Bảo Ngọc ký ban hành là không đúng quy định tại Điều 48, Điều 226 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Theo biên bản phiên tòa sơ thẩm (Bút lục 130-133) thì phiên tòa bắt đầu vào hồi 9 giờ 30 phút ngày 07 tháng 7 năm 2020 kết thúc vào ngày 10 tháng 7 năm 2020. Lẽ ra, trong phần đầu của bản án sơ thẩm phải ghi trong các ngày 07, 10 tháng 7 năm 2020,...; nhưng Bản án dân sự sơ thẩm số 139/2020/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 lại ghi “Trong ngày 10 tháng 7 năm 2020,...”

- Tại bút lục 134, 135 trong hồ sơ là phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm giải quyết vụ án dân sự số 92/PB-VKS-DS ngày 11 tháng 9 năm 2019. Có nội dung không phù hợp với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa theo bản án (Bút lục 138-141) và không phù hợp với thời gian diễn biến phiên tòa bắt đầu vào hồi 9 giờ 30 phút ngày 07 tháng 7 năm 2020 kết thúc vào ngày 10 tháng 7 năm 2020 (Bút lục 130 đến 133).

- Sau khi ban hành Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-DS ngày 12-6-2020 và Thông báo số 12/TB-TA ngày 30-6-2020 (về việc thay đổi thời gian xét xử) ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 07-7-2020. Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt trực tiếp cho chị H, anh Sơn mà giao cho ông Lê Công H nhận thay (Bút lục 115), giao cho bà Nguyễn Thị Xuyên nhận thay (Bút lục 124); trong khi ông Hầu, bà Xuyên không cùng nơi cư trú với chị H, anh Sơn (Anh Phan Văn S sinh năm 1982, Cư trú: ấp Vĩnh Khánh 1, xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang); việc tổng đạt không đúng quy định tại Điều 175, Điều 177 nhưng lại căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt và đình chỉ yêu cầu độc lập của chị H, anh Sơn là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị H, anh Sơn nhưng do chị H với anh Sơn không có kháng cáo.

Xét thấy, những sai sót nêu trên là vi phạm về thủ tục tố tụng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3.2] Về nội dung:

[3.2.1] Bị đơn ông Lê Công N và bà Nguyễn Thị C không thừa nhận vay tiền còn nợ lại 1.500.000.000 đồng của bà Liễu và cũng không có ký tên trong biên nhận ngày 29-5-2018 mà như bà Liễu trình bày. Ông N bà C cho rằng do chị Lê Thị Hoa L (là con của ông bà) có làm ăn mượn tiền của bà Liễu, bà Liễu tính cả vốn và lãi là 3.700.000.000 đồng (ba tỷ bảy trăm triệu đồng) gia đình đã giao 231 công đất tằm điền, trong đó L đứng tên ½ diện tích còn lại vợ chồng ông

đứng tên $\frac{1}{2}$ diện tích để trừ nợ, nhưng do bên bà Liễu chưa tính nên hiện nay không biết còn nợ hay không (Tờ tự khai bút lục 32 đến 35).

[3.2.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Hoa L trình bày: “Tôi có hỏi tiền qua lại với cô Diễm đã 7 đến 8 năm rồi cô Diễm cho tôi vay số tiền khá lớn với lãi xuất từ 25% đến 3% năm tôi làm ăn thâm thủng lỗ, lãi, trồng vốn...”,...“trong khi đó cô Diễm đã ngốn hết vào sổ cô là 3.700.000.000 đồng (ba tỷ bảy trăm triệu đồng)...” (Tờ tường trình bút lục 29,30).

[3.2.3] Tại biên bản phiên tòa ngày 11-9-2019 (Bút lục 68,69) và biên bản phiên tòa ngày 07-7-2020 (Bút lục 130 đến 133):

- Bà Liễu khai “Vào ngày 29-5-2018 âm lịch vợ chồng ông Lê Công N và bà Nguyễn Thị C có vay của bà số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng), lãi thỏa thuận 1%/ tháng, sau khi vay ông N bà C có giao tài sản để trừ 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng), còn lại 1.500.000.000 đồng”.

- Ông N khai “con tôi Lê Thị Hoa L có làm ăn mượn tiền của cô Liễu, gia đình đã giao 231 công đất tầm điền, trong đó L đứng tên $\frac{1}{2}$ diện tích còn lại vợ chồng ông đứng tên $\frac{1}{2}$ diện tích để trừ nợ, nhưng do bên chị Diễm chưa tính nên hiện nay không biết còn nợ hay không”.

- Chị Lê Thị Hoa L và anh Cao Văn T khai “Toàn bộ các khoản nợ chị Diễm do vợ chồng anh, chị trực tiếp nhận, cha mẹ là ông N bà C không có nhận cũng không ký tên, toàn bộ nợ là 3.700.000.000đ bên gia đình anh, chị đã giao 231 công đất tầm điền, trong đó L đứng tên $\frac{1}{2}$ diện tích còn lại cha, mẹ là ông N bà C đứng tên $\frac{1}{2}$ diện tích để trừ nợ, nhưng do bên chị Diễm chưa tính nên hiện nay không biết còn nợ hay không”.

[3.2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông N và bà C khai, do chị L vay nợ bà Liễu không có tiền trả, ông bà có giao cho bà Liễu 02 QSD đất tại huyện Tri Tôn (01 QSD đất diện tích 46.093m² do ông N đứng tên, 01 QSD đất diện tích 28.921m² do bà C đứng tên) và 03 QSD đất tại huyện Phú Tân do ông N bà C đứng tên (01 QSD đất diện tích 22.753m², 01 QSD đất diện tích 2.160m², 01 QSD đất diện tích 21.544m²) để trừ nợ cho chị L; vợ chồng ông không có chuyển nhượng (mua bán) đất với bà Liễu.

- Chị L cung cấp các biên nhận viết tay thể hiện việc chị vay tiền, chơi hụi với bà Liễu và khai: Nguồn gốc khoản nợ bà Liễu yêu cầu cha mẹ chị (ông N bà Liễu) trả là do chị vay và chơi hụi với bà Liễu, tổng số nợ là 3.700.000.000 đồng; ngoài việc cha mẹ chị đã giao QSD đất cho bà Liễu, chị đã giao cho bà Liễu 05 QSD đất tại huyện Phú Tân do chị đứng tên (01 QSD đất diện tích 17.356m², 01 QSD đất diện tích 1.291m², 01 QSD đất diện tích 7.651m², 01 QSD đất diện tích 3.098m², 01 QSD đất diện tích 2.647m²) và 01 QSD đất tại huyện Tri Tôn do chị đứng tên (đất diện tích 70.000m²) để trừ nợ cho chị L; chị

không có chuyển nhượng (mua bán) đất với bà Liễu. Sau khi cha mẹ chị và chị giao các QSD đất cho bà Liễu để trừ nợ chị và chồng chị là anh T có thuê lại các QSD đất nói trên để làm do bên bà L (D) chưa tính lại nên không biết còn nợ hay không.

- Bà Liễu khai, số nợ 3.000.000.000 đồng theo biên nhận ngày 29-5-2018 âm lịch do ông N viết và ông N bà C ký tên. Trong đó, có số tiền trừ cán số tiền bà ra trả cho bà Vân do ông N nợ bà Vân (Nguyễn Thị Bích Vân) khoảng 800.000.000 đồng và nợ ông Tư Ngoan (Nguyễn Ngọc Ngoan) khoảng 430.000.000 đồng do ông N mua phân bón, thuốc trừ sâu của ông Ngoan do bà bảo lãnh. Bà Liễu còn cung cấp Biên nhận nhận tiền ngày 27 tháng 8 năm 2018 (theo bà Liễu ngày âm lịch), thể hiện: vợ chồng ông N bà C có nhận số tiền của vợ chồng bà Liễu ông Lê Quốc Huy số tiền 3.577.000.000 đồng từ việc chuyển nhượng các quyền sử dụng đất; Biên nhận nhận tiền ngày 27 tháng 8 năm 2018 (theo bà Liễu ngày âm lịch), thể hiện: chị Lê Thị Hoa L có nhận số tiền của vợ chồng bà Liễu ông Lê Quốc Huy số tiền 2.710.000.000 đồng từ việc chuyển nhượng các quyền sử dụng đất.

[3.2.5] Như vậy, theo đơn khởi kiện bà Liễu trình bày “ông N bà C có trả nhiều lần được 1.500.000.000 đồng”, tại phiên tòa sơ thẩm bà Liễu khai “ông N bà C có giao tài sản để trừ 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng)”. Nhưng cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ để làm rõ ông N bà C có trả nhiều lần hay giao tài sản để trừ 1.500.000.000 đồng; nếu có giao tài sản cho bà Liễu để trừ nợ thì ai giao, tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ai, những tài sản gì, giá trị bao nhiêu và giữa bà Liễu với ông N bà C có thỏa thuận về giá trị tài sản để trừ nợ không.

[3.2.6] Ông N, bà C, chị L và anh T khai do chị L có quan hệ vay tiền, chơi hụi với bà Liễu nợ là 3.700.000.000 đồng; đã giao cho bà Liễu để trừ nợ như nhận định tại các đoạn [3.2.1] [3.2.2] [3.2.3]. Nhưng cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ để làm rõ mối quan hệ vay tiền, chơi hụi giữa chị L với bà Liễu, có việc cộng lãi vào vốn không và xác định ai là người trực tiếp nhận tiền vay của bà Liễu; chưa cho đối chất giữa bà Liễu với chị L, ông N và bà C để làm rõ nguồn gốc khoản nợ bà Liễu khởi kiện yêu cầu ông N bà C trả, có việc giao ông N bà C và chị L giao đất cho bà Liễu để trừ nợ không.

[3.2.7] Xét thấy, có mâu thuẫn về thời gian giữa Biên nhận ngày 29-5-2018 AL với Biên nhận nhận tiền ngày 27 tháng 8 năm 2018 (bà Liễu cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm), thể hiện vợ chồng ông N bà C có nhận số tiền của vợ chồng bà Liễu ông Lê Quốc Huy số tiền 3.577.000.000 đồng từ việc chuyển nhượng các quyền sử dụng đất, nhưng ông N bà C cho rằng giao đất để trừ nợ chứ không có chuyển nhượng (mua bán) đất với bà Liễu. Bà Liễu khai tại phiên tòa phúc thẩm, số nợ 3.000.000.000 đồng theo biên nhận ngày 29-5-2018 âm lịch do ông N viết và ông N bà C ký tên; trong đó, có số tiền trừ cán số tiền bà ra trả cho bà Vân do ông N nợ bà Vân (Nguyễn Thị Bích Vân) khoảng

800.000.000 đồng và nợ ông Tư Ngoan (Nguyễn Ngọc Ngoan) khoảng 430.000.000 đồng do ông N mua phân bón, thuốc trừ sâu của ông Ngoan do bà bảo lãnh.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần thiết đưa bà Vân (Nguyễn Thị Bích Vân), ông Tư Ngoan (Nguyễn Ngọc Ngoan) và anh Lê Quốc Huy vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và cho đối chất với bà Liễu, ông N, bà C và chị L để làm rõ ông N bà C có vay tiền bà Liễu như Biên nhận ngày 29-5-2018 AL không và có giao đất để trừ nợ không.

[3.2.8] Từ những nhận định trên, thấy: Lời khai giữa nguyên đơn bà Liễu, bị đơn ông N bà C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị L còn nhiều mâu thuẫn; nhưng cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ để làm rõ nguồn gốc nợ bà Liễu do chị L vay hay ông N bà C vay và ông N bà C có trả nhiều lần hay giao tài sản để trừ 1.500.000.000 đồng không; nếu có giao tài sản cho bà Liễu để trừ nợ thì ai giao, tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ai, những tài sản gì, giá trị bao nhiêu; giữa bà Liễu với ông N bà C và Chị L có thỏa thuận về giá trị tài sản để trừ nợ không.

Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ Biên nhận ngày 29-5-2018 AL bản photo copy (Bút lục 01) do nguyên đơn Nguyễn Thị Liễu gửi kèm theo đơn khởi kiện và Kết luận giám định số 38/KLGT-PC09(TL) ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang. Chưa làm rõ số tiền ông N bà C đã trả 1.500.000.000 đồng nhưng lại buộc ông N bà C trả cho bà Liễu số nợ còn lại 1.500.000.000 đồng là chưa có sở sở vững chắc.

Tòa án cấp phúc thẩm không đủ căn cứ để xem xét lại nội dung vụ án; do đó, cần thiết chấp nhận kháng cáo của ông N, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 139/2020/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Phú Tân giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên ông Lê Công N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Công N.
2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 139/2020/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh A.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Phú Tân giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi tố tụng được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Công N không phải án phí dân sự phúc thẩm, nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0006930 ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh A.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Khuru Để Dành